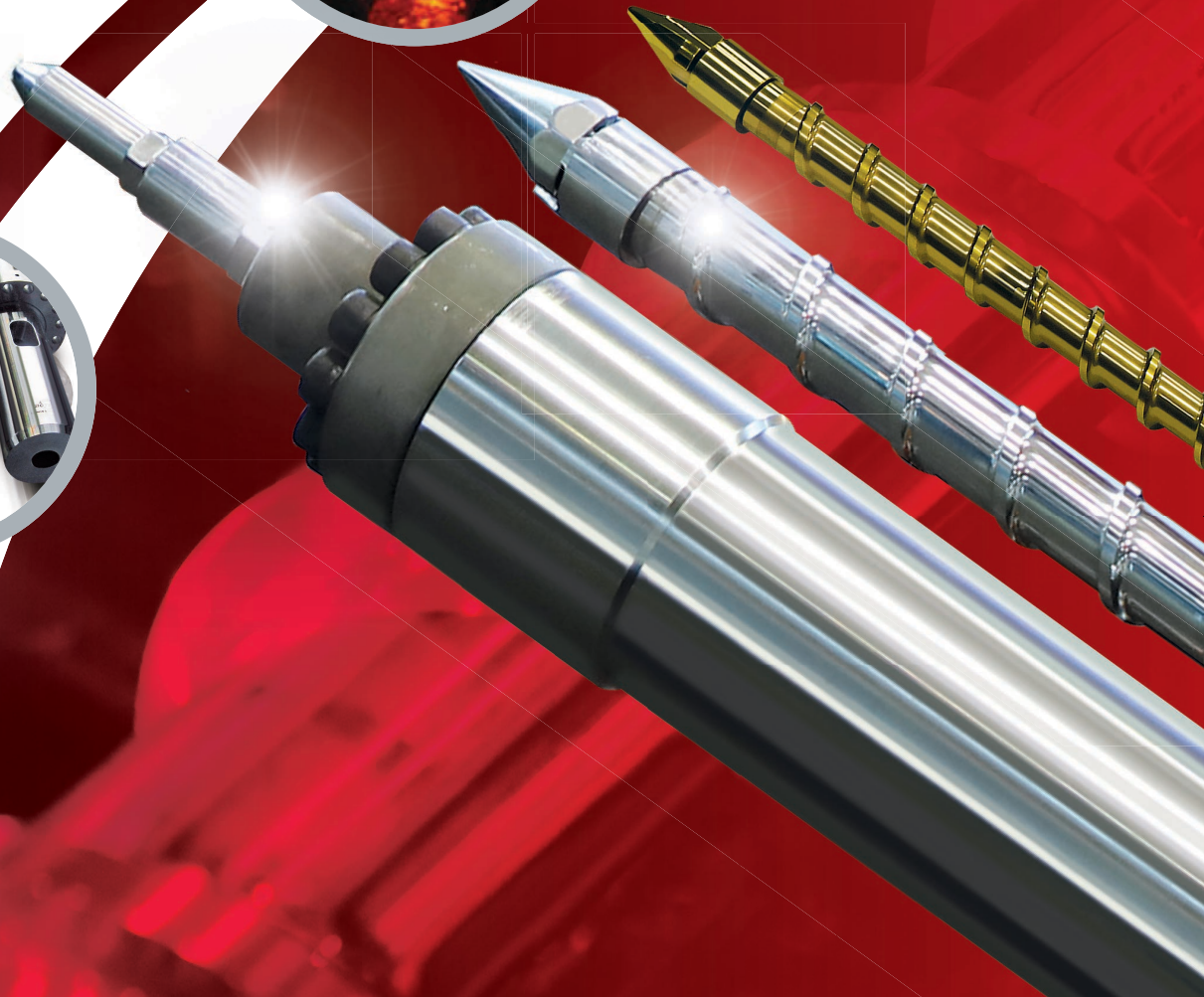
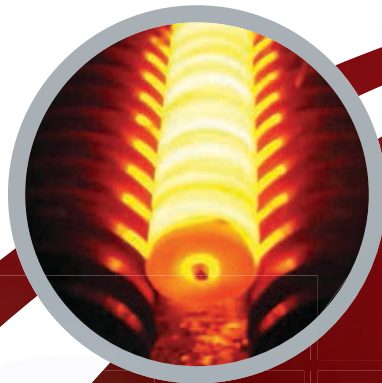


ヒュンダイ バイメタルシリンダー・スクリュー
Trục vít lưỡng kim HYUNDAI
HB-ALLOY



ヒュンダイ バイメタルシリンダー・スクリュー
Trục vít lưỡng kim HYUNDAI
HB-ALLOY

Nhà sản xuất trục vít lưỡng kim (chống mòn, chống gỉ) đầu tiên của Hàn Quốc
 - HYUNDAI BIMETAL (HB-ALLOY)

バイメタリックシリンダー(耐摩耗性、耐腐食性)の国内初のメーカー-ヒュンダイ バイメタル [HB-ALLOY]

1982
 ~
 2003

2005
 ~
 2014

2015~

- 1982. 05** Thành lập HYUNDAI BOTEKO
ヒュンダイ ボテコ創立
- 1992. 04** Được Bộ Thương mại và Công nghiệp chọn là nhà phát triển trục vít lưỡng kim
商工部選定(生産基盤技術)バイメタルシリンダー開発業者に選定
- 1994. 12** Hoàn tất phát triển trục vít lưỡng kim
バイメタルシリンダー開発完了
- 1995. 08** Hoàn tất phát triển trục vít chống mòn, chống gỉ
耐摩耗内部式スクリュー開発完了
- 1996. 04** Được chọn làm công ty hợp tác với LG Cable
LG電線 協力会社に選定
- 2000. 02** Được chọn làm doanh nghiệp nhận hỗ trợ của Gyeonggi-do để khai thác thị trường nước ngoài
京畿道(キョンギド)選定 海外市場開拓支援業者に選定
- 03** Được chọn là một doanh nghiệp phát triển đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (Phát triển vít hiệu suất cao sử dụng công nghệ xử lý bề mặt)
中小企業技術革新開発事業に選定 (トライボロジー表面処理技術を利用した高性能スクリュー開発)
- 11** Chuyển tới nhà máy ở Sihwa
始華(シファ)工団 拡張移転
- 2003. 12** Hoàn thành phát triển vật liệu sao lưu (HBM80), Hoàn thành phát triển hợp kim vonfram (W-ALLOY)
HBM80 母材開発、タングステンアロイ(W-ALLOY)開発完了

- 2005. 03** Được chọn làm doanh nghiệp hợp tác với DONGSHIN HYDRAULICS
東信(ドンシン)油圧協力会社に選定
- 10** Xây dựng nhà máy số 2 tại KCN Sihwa (Mở rộng hệ thống tự động hóa nhà máy, lắp đặt M.C.T)
始華(シファ)工団 2工場新築 (工場自動化システム拡張 M.C.T設置)
- 2009. 10** Tham gia triển lãm VietnamPlas 2009 (Tp.HCM)
ベトナムプラス2009に参加(ホーチミン)
- 11** Đăng ký là doanh nghiệp venture
ベンチャー企業登録
- 2010. 04** Tham gia triển lãm ChinaPlas 2010 (Thượng Hải)
チャイナプラス2010に参加(上海)
- 2011. 05** Tham gia triển lãm ChinaPlas 2011 (Quảng Châu)
チャイナプラス2011に参加(広州)
- 12** Thành lập nhà máy ở Indonesia
インドネシア工場設立
- 2012. 05** Được chọn hợp tác với WOJIN PLAIMM
宇進(ウジン)プライム協力会社に選定
- 2013. 11** Tham gia triển lãm Nhựa & Cao su Indonesia 2013
2013インドネシア プラスチック&ゴム展示会に参加
- 2014. 01** Hoàn thành phát triển thiết bị sưởi GMI (Gong Myeong Induction)
GMI(コンミョンインダクション)ヒーター開発完了

- 2015. 01** Xây dựng nhà máy số 2
2工場を増築
- 2016. 03** Thành lập trung tâm nghiên cứu trực thuộc công ty
付設技術研究所を設立
- 05** Nhận chứng nhận chất lượng ISO 9001:2008
ISO 9001:2008 品質認証
- 10** Hoàn tất phát triển lớp phủ vít lưỡng kim
タングステン バイメタルスクリーコーティングの開発完了
- 11** Tham gia triển lãm Nhựa & Cao su Indonesia 2016
2016インドネシア プラスチック&ゴム展示会に参加
- 2018. 05** Thành lập chi nhánh Thái Lan
タイ支社 設立
- 06** Tham gia triển lãm quốc tế ngành công nghiệp nhựa Thái Lan (InterPlas 2018)
タイ国際プラスチック産業展参加 (InterPlas 2018)
- 2019. 01** Thành lập chi nhánh Việt Nam (Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh)
ベトナム(ハノイ,ホーチミン)支社 設立
- 02** Xây dựng thêm dây chuyền tự động lưỡng kim tại nhà máy số 2
バイメタル自動化ライン2工場 増築
- 06** Tham gia triển lãm quốc tế ngành công nghiệp nhựa Thái Lan (InterPlas 2019)
タイ国際プラスチック産業展参加 (InterPlas 2019)
- 2021. 09** Mở rộng dây chuyền sản xuất ốc vít cỡ siêu lớn
超大型スクリーライン増設





Chất lượng cao và độ tin cậy tuyệt vời

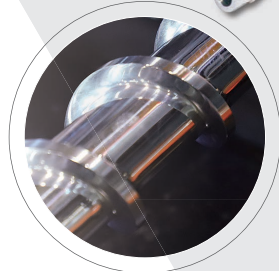
高品質と優れた信頼性

Những phát triển gần đây trong lĩnh vực Nhựa tổng hợp rất đáng chú ý và nhu cầu cũng đang tăng lên ở nhiều lĩnh vực, đặc biệt là các sản phẩm nhựa chống mòn và chống gỉ. Ngoài ra, chống mòn và chống gỉ cũng cần được áp dụng đồng thời để kéo dài tuổi thọ của trục vít trong đúc nhựa. Một sản phẩm có thể đáp ứng các đặc điểm này cùng lúc chính là trục vít lưỡng kim. Khi so sánh với trục vít bằng thép nitrua hóa trong lĩnh vực nhựa kỹ thuật, 99% các nhà sản xuất máy ép phun và máy đùn ở Mỹ và Nhật đều đang sử dụng trục vít lưỡng kim.

Công ty cổ phần HYUNDAI BOTECO là doanh nghiệp phát triển trục vít lưỡng kim đầu tiên tại Hàn Quốc. Chúng tôi đã nghiên cứu và phát triển thành công trục vít lưỡng kim có tuổi thọ gấp 6 đến 10 lần so với trục vít thép nitrua hóa hiện có sau khi được Bộ Thương mại và Công nghiệp chỉ định là Dự án Nội địa hóa Sản phẩm và Công nghệ của Hàn Quốc và đang đóng góp rất lớn cho ngành công nghiệp máy móc nhựa của Hàn Quốc và ngành công nghiệp linh kiện sử dụng máy đùn và máy ép phun với khả năng chống mài mòn và chống gỉ cao.

分野において特に耐摩耗、耐腐食プラスチック製品用として増大されています。また、プラスチック成形時、シリンダーの寿命延長のために耐摩耗、耐腐食が同時に成され、このような性質を充足させることができるのがバイメタルシリンダー(Bimetallic Barrel)です。合成樹脂(Synthetic Resin)分野における最近の発達は注目する価値があり、その需要もまた様々な エンジニアリング プラスチック分野で窒化鋼シリンダー(Nitriding Barrel)と比較した時、射出機、圧出機など全体のシリンダー需要はアメリカ、日本99%がバイメタルシリンダー(Bimetallic Barrel)を使用しています。

(株) ヒュンダイ ボテコはバイメタルシリンダー(Bimetallic Barrel)を国内で初めて開発し、商工部国産化生産基盤技術課題に選ばれて既存の窒化鋼シリンダー(Nitriding Barrel)より寿命が6倍~10倍の違いが生じるバイメタルシリンダー(Bimetallic Barrel)開発に成功して、国内プラスチック機械、射出成形機、圧出成形機および耐摩耗性、耐腐食性が要求されるコンポーネント産業に寄与しています。



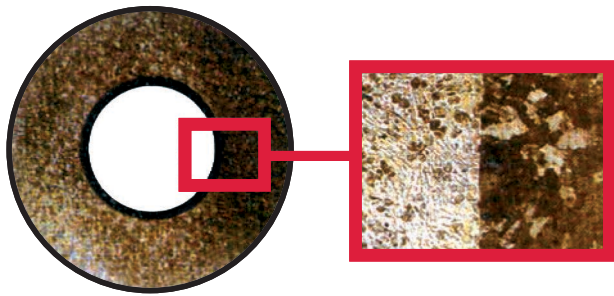
SCREW & BARREL

Cấu tạo của trục vít lưỡng kim (HB-ALLOY)

バイメタリック(HB-ALLOY)シリンダーの構造

Trục vít lưỡng kim có cấu tạo giống như hình ảnh bên dưới, bằng cách đặt hợp kim vào bên trong trục vít được sản xuất bằng thép hợp kim thép cacbon thông thường và thép chịu nhiệt (bao gồm cả SUS). Lớp hợp kim (HB-ALLOY) được khuếch tán và liên kết với bề mặt đường kính trong của trục vít bằng phương pháp đúc ly tâm sau khi xử lý nhiệt độ cao.

バイメタリックシリンダーは、一般炭素鋼合金鋼および耐熱鋼(SUSを含む)等を母材としたシリンダー内部に合金を入れて高温加熱処理後、遠心鑄造工法でシリンダー内径の表面に合金層(HB-ALLOY)を拡散結合させたもので、下図のような形態になっている。



Mặt cắt của trục vít
シリンダーの断面

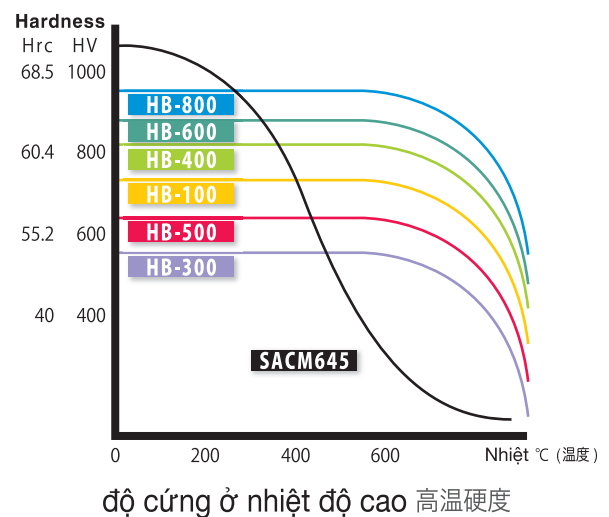
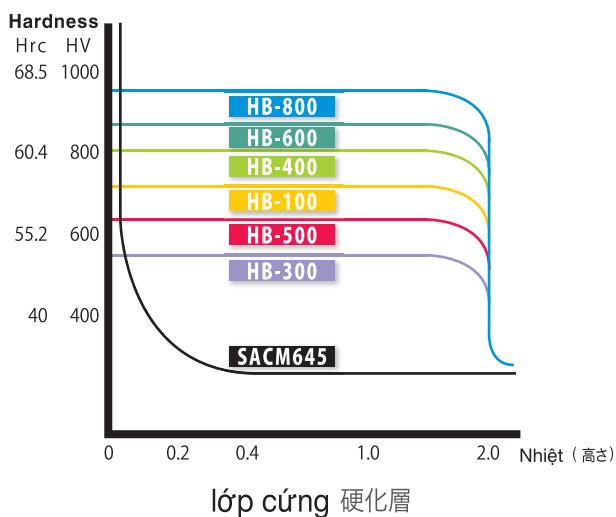
Lớp hợp kim
kim合金層

Kim loại nền
母材



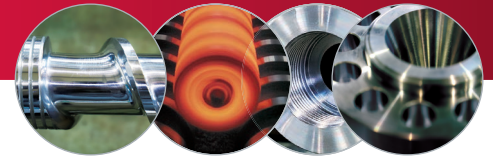
So sánh độ cứng của trục vít bằng thép nitrua hóa theo nhiệt độ và độ dày lớp cứng của trục vít HB-ALLOY

HB-ALLOYシリンダーの硬化層の厚さと温度にともなう窒化鋼シリンダーの硬度比較



Trục vít & Nòng cào được tạo ra chính xác và tiên tiến nhờ kinh nghiệm được tích lũy và nghiên cứu phát triển không ngừng

蓄積されたKNOW-HOWと絶え間ない研究開発により最先端高精度を実現したSCREW & BARREL



Đặc điểm của vật liệu kim loại nền

母材の特性

Characteristic Đặc tính 特性	Vật liệu nền 母材	HBM80	S45C	SCM440	SUS304
Độ bền kéo 引張強度 (kgf/mm ²)		88 ~ 98	40 ~ 55	65 ~ 80	45 ~ 60
Điểm chảy 降伏点 (kgf/mm ²)		59 ~ 66	25 ~ 35	50 ~ 65	20 ~ 30
Tỷ lệ giãn dài 延伸率 (kgf/mm ²)		15 ~ 25	15 ~ 25	10 ~ 20	35 ~ 80

Vật liệu bên ngoài có thể tùy ý lựa chọn chẳng hạn như thép các bon, thép hợp kim thấp, thép không gỉ tùy theo điều kiện bên ngoài, điều kiện chịu áp suất, nhiệt độ.

外觀材は耐圧、温度、外部施用条件に合わせて炭素鋼、低合金鋼、ステンレス鋼等で任意選択することができる。

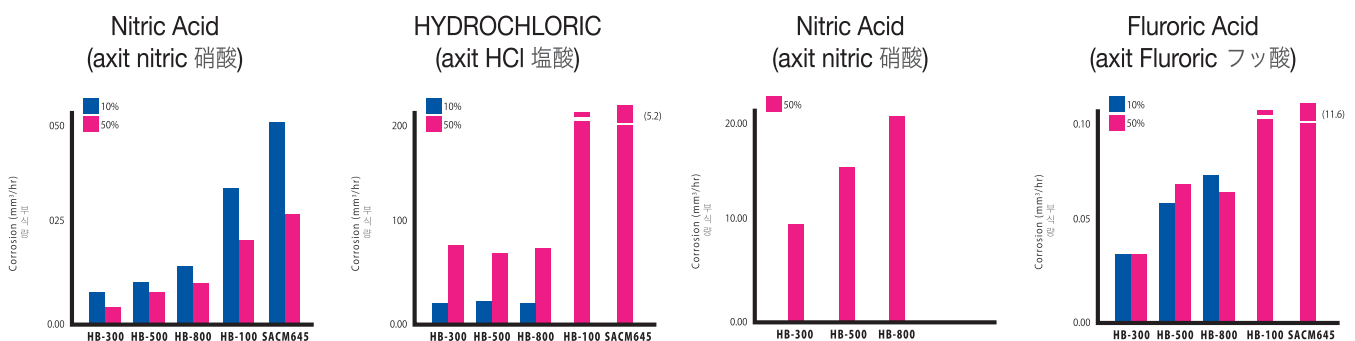
Mức độ chính xác khi gia công đường kính trong

内径加工精度

Độ nhẵn bề mặt 表面照度	0.2 ~ 0.85	
Độ tịnh tiến 照度 (L = D25)	Đường kính trong 内径 (mm)	Độ tịnh tiến 真直度 (mm)
	~ 40	0.05
	40 ~ 90	0.08
	90 ~ 200	0.15
	200	0.20
Dung sai kích thước lỗ khoan 内径寸法公差	H7	

Khả năng chống gỉ của HB-ALLOY

HB-ALLOYの耐腐食性



CYLINDER

Trục vít lưỡng kim (HB-ALLOY)

バイメタル (HB-ALLOY) シリンダー

PRODUCTS		HB-100	HB-300	HB-400	HB-500	HB-600	HB-800
Glass fiber(%)		5% ~ 10%		5% ~ 20%		25% ~ 35%	40% ↑
Base material		Fe	Ni	Fe - Cr	Ni - Co	Fe - W - Ni	W - Co
Hardness	HRC	50 ~ 60	45 ~ 53	55 ~ 65	45 ~ 53	55 ~ 65	55 ~ 65
	HS	67 ~ 81	60 ~ 71	74 ~ 91	60 ~ 71	74 ~ 91	74 ~ 91
Application		Wear-resistant	Flouride resin	Wear-resistant Corrosion-resistance	Wear-resistant Corrosion-resistance	Wear-resistant Corrosion-resistance	Extreme Wear-resistant Corrosion-resistance
Wear-resistant		★★★★☆	★★☆☆☆	★★★★☆	★★☆☆☆	★★★★☆	★★★★★
Corrosion-resistance		★★☆☆☆	★★★★★	★★☆☆☆	★★★★★	★★☆☆☆	★★★★☆
Manufacturing Size		ID : Ø14~250 OD : Max Ø500 Length : 5,000mm					
SCREW		STANDARD HBS-100	HBS-300 HBSC-3000	HBS-400	HBS-300 HBSC-3000	HBS-500 HBS-600 HBSC-8000 (Tungsten Coating)	HBS-600 HBS-800 HBSC-8000



MCT (5Axis) - Mazak -



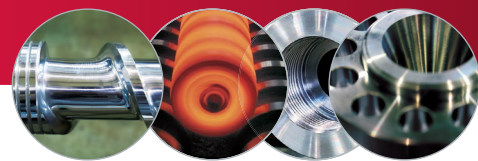
MCT (5Axis) - Doosan -



CNC Lathe - Hwacheon -



HBS SCREW



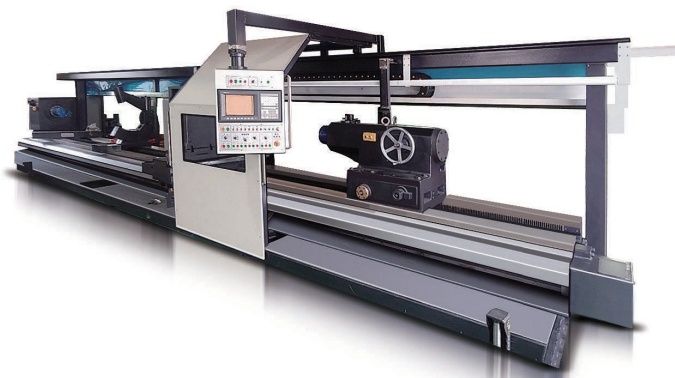
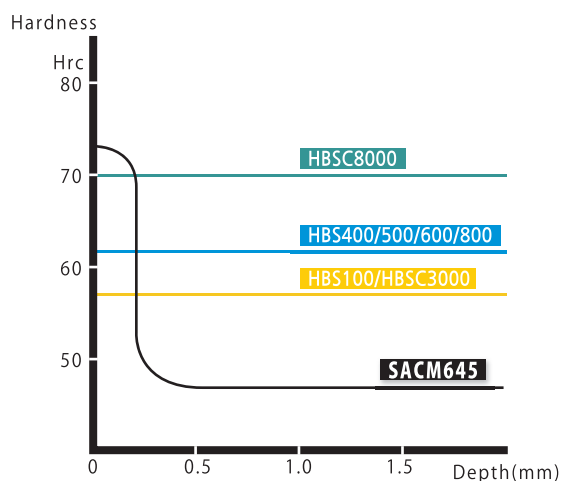
Các loại vít HBS

HBSスクリュータイプ

Type	Application
SACM645	Thông thường 一般
HBS-100	Thông thường 一般
HBS-300	Chống gỉ 耐腐食
HBSC-3000	Siêu chống gỉ 超耐腐食
HBS-400	Chống mài mòn 耐磨耗
HBS-500	Chống mài mòn, chống gỉ 耐磨耗、耐腐食
HBS-600	Chống mài mòn, chống gỉ 耐磨耗、耐腐食
HBS-800	Chống mài mòn cao, chống gỉ cao 極耐磨耗、極耐腐食
HBSC-8000	Siêu chống mài mòn, siêu chống gỉ 極耐磨耗、極耐腐食

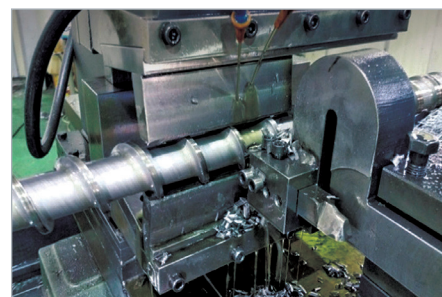
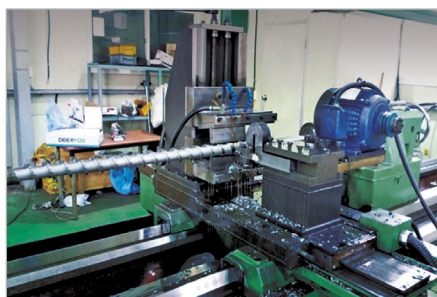
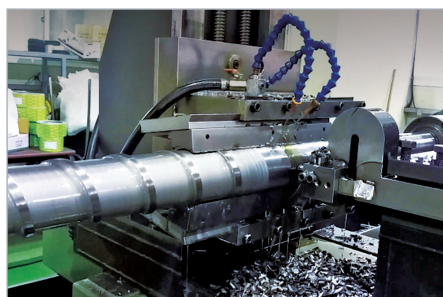
Độ cứng của vít HBS

HBSスクリューの硬さ



HYUNDAI BOTEKO CÓ MÁY CNC LỚN NHẤT CHO SẢN XUẤT SCREW TẠI HÀN QUỐC (Max Ø250 x 9,000mm)

韓国で最も大きいサイズのネジ加工用旋盤 (Max Ø250 x 9,000mm)



HBS SCREW

Tungsten Carbide Coating Screw HBSC-8000



■ Vít sơn vonfram cacbua 炭化タングステンコーティングスクリュー

- Phương pháp sơn đặc biệt của HYUNDAI BOTECHO là một quy trình để gia công, ngâm và luyện vít, sử dụng công nghệ phun nhiệt tiên tiến và lớp phủ bảo vệ chống mài mòn và chống gỉ cho vít được sử dụng trong bất kỳ máy ép phun hoặc ép đùn ở mọi kích thước.

ヒュンダイ ボテコの特種なコーティング方法は、スクリュー母材にドレッシング、焼き入れおよびテンパリング工程を経た後、最先端熱スプレー技術で全ての規格の射出および圧出機用スクリューに極耐磨耗および極耐腐食性コーティングをします。

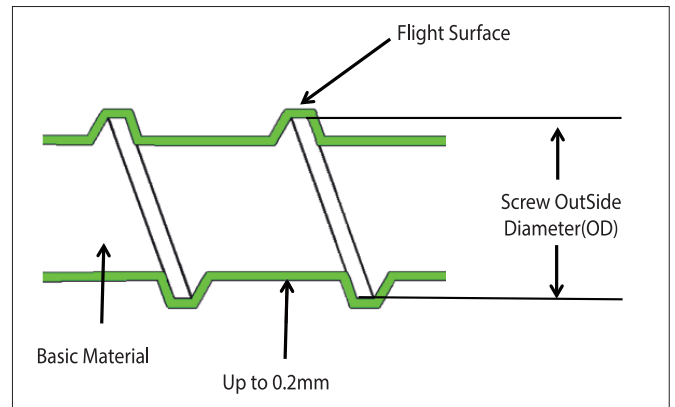
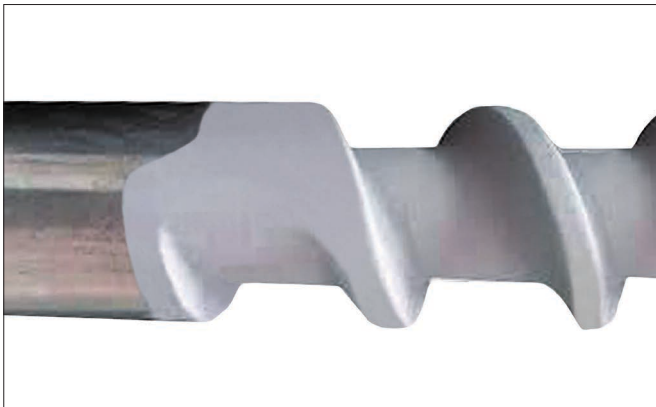
- Độ cứng của lớp phủ là HRC 67 ~ 71, mật độ 98%, không bị nứt, đồng thời được kết hợp với cacbua cứng, sứ và hợp kim, mang lại khả năng chống mài mòn và chống gỉ hoàn toàn khác biệt với các hợp kim chống mài mòn hiện có.
コーティングの硬度はHRC 67~71、密度98%で亀裂が発生せず、硬い炭化物、セラミックおよび合金を結合して既存の耐磨耗合金とは比較できない耐磨耗性および耐腐食性を誇ります。

- Chủng loại và tỷ lệ của cacbua ảnh hưởng đến tất cả các vật liệu được sử dụng để chống mài mòn. Vonfram cacbua là một trong những hợp chất cứng nhất và kinh tế nhất khi kết hợp với carbon.

カーバイドのタイプと比率は耐磨耗性に利用される全ての素材に影響を及ぼします。

タングステン カーバイドは炭素と結合した時に最も硬く、経済的な化合物のうちの一つです。

■ Loại phủ bảo vệ コーティング類型

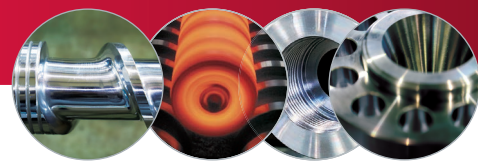


■ Ưu điểm 長所

- Lớp phủ cacbua vonfram rất tuyệt vời cho các vít tiếp xúc với nhựa đặc, cao su hoặc các vật liệu mài mòn khác.
タングステン カーバイド コーティングは充填された樹脂、ゴムまたはその他研磨剤に露出されたスクリューに卓越します。
- Lớp phủ cacbua vonfram tăng cường khả năng chống mài mòn và chống gỉ.
タングステン カーバイド コーティングは耐磨耗性と耐腐食性を向上させます。
- Vít sơn vonfram cacbua cung cấp giải pháp triệt để cho các vấn đề có thể xảy ra trong các tình huống mài mòn, ăn mòn, nhiệt, áp suất và oxy hóa.
タングステン カーバイド コーティングスクリューは摩耗、腐食、熱、圧力、酸化などが発生しうる状況で問題を解決できるソリューションを提供します。
- Vít sơn vonfram cacbua có tuổi thọ cao hơn hai đến ba lần so với vít chống mài mòn hiện có. (Trường hợp chứa 30% đến 40% sợi thủy tinh)
タングステン カーバイド コーティングスクリューは既存の耐磨耗スクリューより2~3倍程度長い寿命を有しています。(Glass Fiber 30%~40%を含む場合)

Vít chống mòn chống gỉ HBS nhờ xử lý nhiệt đặc biệt

特殊熱処理によるHBS耐摩耗内部式スクリュー



■ Chế tạo 製造

Đường kính ngoài 外径	12mm ~ 130mm
Độ cứng 硬度	HRC 67 ~ 71
Độ dày 厚さ	0.2mm ~ 0.25mm
Độ nhám 粗度	Ra 0.2 ~ 0.4
Độ dài 長さ	Max 3000mm
Ngoài ra その他	Siêu chống mài mòn 極耐磨耗
	Siêu chống gỉ 極耐腐食

■ Điều kiện làm việc 作業条件

Nguyên liệu 原料	Mọi loại nhựa 全ての数値
Hàm lượng G/F G/F 含有量	G/F 30% trở lên 30%以上
Thời gian bảo hành 保証期間	PC + G/F 30% = 2 Years

■ Bảng tùy chọn 選択早見表

Tên gọi của vít phủ コーティングスクリュー名称	Độ cứng 硬度 (HRC)	Ứng dụng 適用	Trục vít シリンダー
HBSC-3000	55 ~ 65	Dùng cho nhựa Florua フッ素樹脂用	HB-300 HB-500
HBSC-8000	67 ~ 71	Dùng cho thiết bị siêu chống mài mòn, siêu chống gỉ 超耐磨耗、超耐腐食用	Mọi chỉ số 全ての数値

PARTS

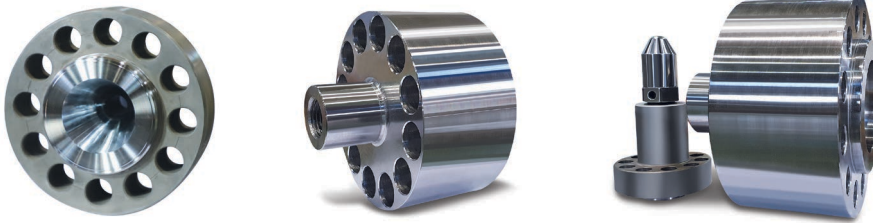
Hyundai Boteco có khả năng xử lý chính xác mọi thiết kế của tất cả các bộ phận máy ép phun.

ヒョンデ(現代)ボテコは全ての射出機部品のどのようなデザインでも超精密な加工が可能です。

■ Cylinder Head

Được lắp ở phần đầu của trục vít, gồm hai phương thức: bu lông và đinh ốc.

シリンダーの前方部分に取り付けられ、ボルト方式とネジ方式に分かれます



■ Nozzle

Gồm các loại: vòi phun đơn, vòi phun dài, vòi phun hai nấc, vòi phun dạng tháo rời tùy theo máy ép phun được sử dụng.

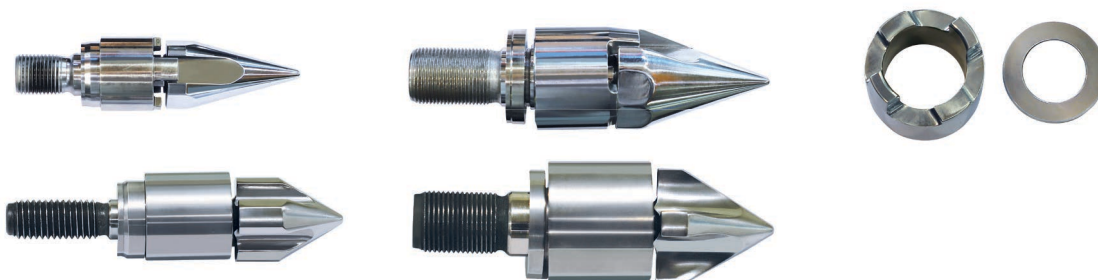
適用される射出機によって、シングルノズル、ロングノズル、二段ノズル、着脱可能なノズルに区別されます。



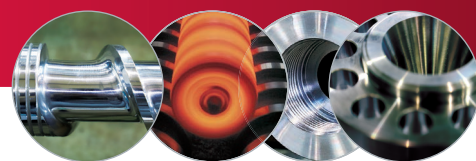
■ Screw Head ASS'Y

Gồm hai loại lớn là loại xoay cùng và loại xoay riêng tùy theo hình dạng của vòng hãm.

チェックリングの形状により、一緒に回るタイプと別々に回るタイプに分かれます



COATING & FILTER CHECK NOZZLE



Lớp phủ PVD và đầu kiểm tra bộ lọc của Hyundai Boteco cung cấp một hệ thống ép phun kinh tế.

ヒョンデ(現代)ボテコのPVDコーティングとフィルターチェックノズルは経済的な射出システムを提供します。

■ PVD Coating PVDコーティング



TIN

- Tính linh hoạt tuyệt vời
- Giảm hình thành mối hàn
- Cải thiện tính dị hình
- Chống mài mòn

TIN

- 優秀な流動性
- 溶着形成減少
- 異形成改善
- 摩擦防止



TIAlN(FN) (Chống mài mòn)

- Nhựa chứa chất mài bóng
- Chất dẻo chứa hàm lượng sợi thủy tinh 40% trở lên

TIAlN(FN) (極限磨耗条件)

- 研磨剤が含まれた樹脂
- グラスファイバーの含有量が40%以上の樹脂



CrN (Chống gỉ)

- Chất dẻo chứa thành phần clo và flo
- Chất dẻo chứa thành phần hoạt hóa đồng

CrN (腐食防止)

- ツ素及び塩素成分が含まれた樹脂
- 活性成分が含まれた樹脂



AlCrN (chống mài mòn, chống gỉ)

- Hình thành lớp phủ dày
- Chống xước tốt

AlCrN (極限磨耗条件, 腐食防止)

- 厚いコーティング層形成
- 傷(スクラッチ)抵抗が強い

■ Filter Check Nozzle フィルターチェックノズル



HB-ALLOY WHY HYUNDAI BOTEKO



Chờ chút? Điều gì làm bạn lo lắng?

ちょっと？何のためにお悩みですか？

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ■ Khả năng hóa dẻo [PP+Glass] ■ Ngả màu vàng / Cacbon hóa (tất cả các sản phẩm trong suốt) ■ Gas (khó cháy, thân thiện với môi trường) ■ Đổi màu, nhựa ■ Vấn đề về nhiệt ■ Thay đổi số lượng ■ Thay thế phụ tùng thường xuyên | <ul style="list-style-type: none"> ■ 可塑化能力 [PP+Glass] ■ 黄変/炭化(透明な全製品) ■ ガス(難燃、親環境) ■ カラー、樹脂交替 ■ 自熱問題 ■ 量変化 ■ 頻繁な部品交 |
|---|--|

<p>Phát triển công nghệ sản xuất độc đáo 独自の生産技術開発</p> <p>Tối ưu hóa hệ thống sản xuất 生産システムの最適化</p>	<p>Nhận chứng nhận ISO-9001:2015 Nghiên cứu phát triển đổi mới thông qua Trung tâm nghiên cứu công nghệ ISO-9001:2015 品質経営システム認証 技術研究所を通じた革新的な研究開発</p>	<p>Triết lý kinh doanh ưu tiên sự tín nhiệm 信用を最優先する経営理念</p> <p>Phương pháp quản lý đổi mới 革新的な管理方法</p>
---	--	--

Tài liệu công bố báo chí 新聞報道資料



Báo kinh tế Jeil
第一經濟新聞

Báo kinh tế Hàn Quốc
韓国經濟新聞

Báo kinh tế Meil
毎日經濟新聞

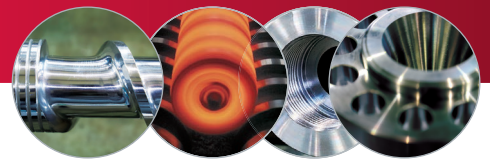
Giấy chứng nhận 認証書



ISO 9001:2015

ISO 14001:2015

Research & Development Center



Bảng lựa chọn tùy theo nhựa dẻo

プラスチック樹脂による選択早見表

Barrel Material Selections	Nhựa chứa chất phụ gia tinh khiết hoặc kim loại phụ 純粹添加剤や充填材が含まれたレジン				Barrel Material Selections
HB-100 HB-400	ABS PC / Normal	ABS Normal	Nylon 12 / Normal	Polyethylene / Copolymer	SACM 645 HBS-100 HBS-400
	Acetal Graphite	ABS PC / Normal	Nylon 12 / Plasticized	Polyethylene / PTFE-TFE(Teflon)	
	Acetal Normal	Acetal Copolymer	PET, Normal	Polyolefin / Carbon Black	
	Acrylic / Methyl-Methac Styrene	Acrylic / Methyl-Methac Styrene	Phenolic / Normal	Polystyrene / Styr-Metal Methacrylte	
	Alkyd Normal	Acrylic / Styr-Methac methacrylate	Phenolic / Woodflour-Rubber	Polyurethane / Polycaprolactone	
	Allyl Ester / Monomeric Styrene	Alkyd Monomeric Styrene	Phenolic / Phenylene Oxide / Cotton	Polyurethane / Polyester	
	Cellulose Acetate / Normal	Allyl Ester / Carbon Black	Poly Allomer / Normal	Polyvinyl Carbazole / Normal	
	Ethylene Propylene / Copolymer	Cellulose Acetate / Normal	Ploycarbonate / Normal	Polyvinyl Chloride / Tin-Titanium	
	Ethylene Propylene / Normal	Ethylene Propylene / Copolymer	Polyester / Carbon Black	SAN / Graphite	
	PFA Fluorocarbon / Normal	Ethylene Propylene / Normal	Polyester / Normal	Styene-Butadiene / Copolymer	
	Hydroxypropyl Cellulose Normal	PFA Fluorocarbon / Normal	Polyester / PBT / Normal	Styene Terpolymer / Normal	
	Tonomer / Normal	Hydroxypropyl Cellulose Normal	Polyethylene / Carbon	Terpolymer / Normal	
	Melamine Formaldehyde Cokeflour	Tonomer / Normal	Polyethylene / Hexane Copolymer	Thermoplastic Elastomer / Copolymer	
	Melamine Formaldehyde Nylon	Melamine Formaldehyde Cokeflour	Polyimide / Carbon	Urea Firmakdegtdc / Cekkykise	

Barrel Material Selections	Nhựa chứa kim loại phụ có tính ăn mòn hoặc chất phụ gia 腐食性充填材や添加剤が含まれたレジン				Barrel Material Selections
HB-300 HB-500	ABS Flame Retardant	FEP Fluorocarbon / Glass	Polyester / Flame Retardant	Polysulfone / Flame Retardant	HBS-300 HBSC-3000
	ABS PVC. Flame Retardant	PTFE Fluorocarbon / Cokeflour	Polyester / Vinyl Toluene	Polysulfone / PTFE-TFE(Teflon)	
	Acetal Cabon Black	PTFE Fluorocarbon / Glass Graphite	Polyester Sulfone / Glass	Polyurethane / PTFE-TFE(Teflon)	
	Acrylic / PVC / Normal	PTFE Fluorocarbon / Normal	Polyethylene / Flame Retardant	Polyurethane(TP) / Flame Retardant	
	Alkyd / Flame Retardant	Fluorocarbon / Cokeflour	Polyimide / Glass	Polyvinyl Chloride / Asbestos	
	Allyl Ester / Flame Retardant	Fluorocarbon / Glass	Polyimide / PTFE-TFE(Teflon)	Polyvinyl Chloride / Blowing Agent	
	Allyl Ester / PTFE-TFE(Teflon)	Fluorocarbon / Normal	Polyphenyl Sulfide / Carbon	Polyvinylidene Fluoride / Normal	
	Allyl Ester / Vinyl Tolueme	Nylon 6/6 / Flame Retardant	Polyphenyl Sulfide / Flame Retardant	Poly P-Xylene / Normal	
	Cellulose Butyrate / Normal	Nylon 6/6 / PTFE-TFE(Teflon)	Polyphen Sulfide / PTFE-TFE(Teflon)	San PTFE-TFE(Teflon)	
	Ethylene Vinylacetate / Normal	Nylon 12 / Glass(PTFE-TFE)	Polyphenyl Sulfone / Normal	Terpolymer / Glass(PTFE / TFE)	
	CTFE Fluorocarbon / Copolymer	Nylon 12 / PTFE-TFE(Teflon)	Polyethylene / Flame Retardant	Flame Retardant	

Barrel Material Selections	Nhựa chứa kim loại phụ tăng cứng hoặc chất phụ gia 強化充填材や添加剤が含まれたレジン				Barrel Material Selections
HB-100 HB-400 HB-600 HB-800	ABS / Calcium Carbonate	Nylon / Galss	Polyaryene Ether / Galss	Polysulfone / Mineral	HBS-100 HBS-400 HBS-500 HBS-600 HBS-800 HBSC-8000
	ABS / PVC.Galss-Flame	Nylon 6/6Galss-Flame Retardant	Polycarbonate / Galss(PTFE / TFE)	Polysulfone / Galss	
	Acetal / Galss	Nylon 6/6-6 / Galss	Polyester / Galss-Flame Retardant	Polysulfone / Galss(PBT-TFE)	
	Acrylic / PVC / Normal	Nylon 6/10 / Silicon	Polyester PBT / Galss	Polyurethane(TP) / Filled Synthetic Fiber	
	Alkyd / Galss-Flame	Nylon 6 / 12Galss-Flame Retardant	Retardant	Polyvinyl Acetate / Normal	
	Retardant	Nylon 11 / Galss Graphite	Poltester PBT / Galss	Polyvinyl Chorde / Antimony Oxide	
	Allyl Ester / Galss-Flame	Nylon 12 / Galss	Poltester Copolyester / Normal	Polyvinyl idene Fluoride / Asbestos	
	Brominated	PET / Galss	Polyphenyl Sulfone / Galss Mineral	Poly P-Xylene / Nrmal	
	Epoxy / Antimony Oxide	Phenolic / Galss	Polyphenyl Sulfone / Galss	SAN / Galss-Flame Retardant	
	CTFE Fluorocarbon / Galss	Phenolic / Mica	Polypropylene / Calcium Carbonate	SAN Silicon	
	FEP Fluorocarbon / Galss	Phenolic Oxide / Galss	Polyolefin / Mineral	Styrene Terpolymer / Galss-Flame	
		Phenolic Oxide / Galss-Flame Retardant	Polystyrene / Galss	Styrene Terpolymer / Galss(PTFE / TFE)	

HYUNDAI BOTEKO GLOBAL NETWORK & SERVICE

Công ty cổ phần HYUNDAI BOTEKO là doanh nghiệp phát triển trục vít lưỡng kim đầu trục tại Hàn Quốc. Chúng tôi đã nghiên cứu và phát triển thành công trục vít lưỡng kim có tuổi thọ gấp 6 đến 10 lần so với trục vít thép nitrua hóa hiện có sau khi được Bộ Thương mại và Công nghiệp chỉ định là Dự án Nội địa hóa Sản phẩm và Công nghệ của Hàn Quốc và đang đóng góp rất lớn cho ngành công nghiệp máy móc nhựa của Hàn Quốc và ngành công nghiệp linh kiện sử dụng máy đùn và máy ép phun với khả năng chống mài mòn và chống gỉ cao.

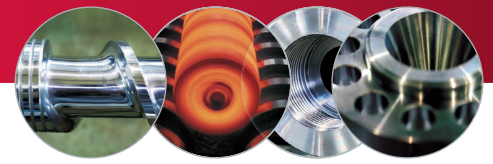
(株)ヒュンダイ ボテコはバイメタルシリンダー(Bimetallic Barrel)を国内で初めて開発し、商工部国産化生産基盤技術課題に選ばれて既存の窒化鋼シリンダー(Nitriding Barrel)より寿命が6倍~10倍の違いが生じるバイメタルシリンダー(Bimetallic Barrel)開発に成功して、国内プラスチック機械、射出成形機、圧出成形機および耐摩耗性、耐腐食性が要求されるコンポーネント産業に寄与しています。



Toàn cảnh nhà máy số 2 第2工場全景



Toàn cảnh trụ sở chính 本社全景



Mạng lưới toàn cầu & Dịch vụ

グローバルネットワーク&サービス

• HYUNDAI BOTEKO_Indonesia

Jl. Industri Selatan 2 SFB Blok MM-9 Kawasan Industri Jababeka 2, Cikarang
Bekasi 17550 Jawa Barat. Indonesia
TEL : (62-21)89830100, 89830500 FAX : 021-89834600



PT.Hyundai Boteco (Indonesia_Cikarang)

• HYUNDAI BOTEKO_Vietnam

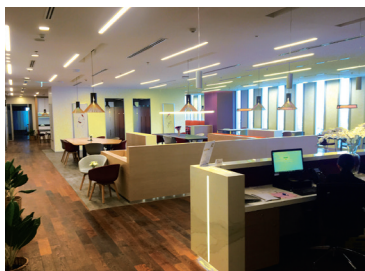
No. 3, Alley 82, Dich Vong Hau Ward, Cau Giay District, Hanoi City
TEL : 84(0) 24 3201 6329



HYUNDAI BOTEKO (Vietnam_Hanoi)

• HYUNDAI BOTEKO_Thailand

23rd Floor, Bhiraj Tower at BITEC 4345 Road, Bangna Sub-District, Bangna District, Bangkok 10260 Thailand
TEL : 66-0-64-453-3299



Siam Hyundai boteco (Thailand_Bangkok)

HB-ALLOY HYUNDAI BOTE^{CO}

We are confident that our products can compete with any other barrel imported to Korea.



HYUNDAI BOTE^{CO} Co.,Ltd.

<http://www.hbbimetal.com>

• Trụ sở chính 本社

15113 73, Mayu-ro 70beon-gil, Jeongwang-dong, Siheung-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc (KCN Sihwa 3ma 615ho, Jeongwang-dong 2098-15)

Tel. (031) 319-9500 Fax. (031) 319-5353

15113 京畿道 始興市 正往洞 マコ路 70番ギル 73番地 (正往洞 2098-15 始華工団 3マ615号)

Tel. 82-31-319-9500 Fax. 82-31-319-5353

• Nhà máy số 2 2工場

15617 85, Sinhwa-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do (KCN Sihwa 4ba 1006ho, Seonggok-dong 779-5)

Tel. (031) 319-9500 Fax. (031) 319-5353

15617 京畿道 安山市 檀園区 尖端路 85 (城谷洞 779-5 始華工団 4バ1006号)

Tel. 82-31-319-9500 Fax. 82-31-319-5353